

Số: **412** /QĐ-ĐHHHVN-TCHC

Hải Phòng, ngày **29** tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt, điều chỉnh tạm thời danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ công văn số 1468/BGTVT-TCCB ngày 17/02/2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn rà soát, phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm công chức, viên chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 406/NQ-ĐHHHVN-HĐT ngày 28/03/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc thông qua tạm thời danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam theo Tờ trình số 351/TTr-ĐHHHVN-TCHC ngày 28/03/2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt, điều chỉnh tạm thời danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm (Phụ lục số 1 kèm theo);
2. Chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm (Phụ lục số 2 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào số lượng người làm việc được giao, danh mục vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của vị trí việc làm của các tổ chức thuộc và trực thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam quy định tại Điều 1 của Quyết định này, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm phối hợp thực hiện trong công tác tuyển dụng,



đào tạo, sử dụng, quản lý viên chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các văn bản về vị trí việc làm của Trường đã được ban hành trước đây.

Trường các phòng: TC-HC, KH-TC; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *HC*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường;
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Lưu: VT, TC-HC.



PGS.TS. Phạm Xuân Dương

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục số 1
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA CÁC TỔ CHỨC THUỘC VÀ TRỰC THUỘC TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM
(Kèm theo Quyết định số **412/QĐ-ĐHHVN-TCHC** ngày **29/03/2023**
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
A	HỘI ĐỒNG TRƯỜNG, LÃNH ĐẠO TRƯỜNG VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TRƯỜNG		
I	VTVL Hội đồng trường		
1	Chủ tịch Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường	Giảng viên chính hoặc tương đương (Hạng II) trở lên
2	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam	Giảng viên chính hoặc tương đương (Hạng II) trở lên
3	Thành viên Hội đồng trường	Thành viên Hội đồng Trường (là thành viên trong Trường)	Giảng viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên;
4		Thành viên Hội đồng Trường (là thành viên đại diện người học)	
II	VTVL lãnh đạo, quản lý Trường		
1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ): Hiệu trưởng trường đại học	Hiệu trưởng	Giảng viên chính hoặc tương đương (Hạng II) trở lên
2	Cấp phó của người đứng đầu ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ): Phó Hiệu trưởng trường đại học	Phó Hiệu trưởng	Giảng viên chính hoặc tương đương (Hạng II) trở lên
III	VTVL chuyên môn dùng chung		
1	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán)	Kế toán trưởng Trường (hoặc Phụ trách kế toán Trường)	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
B	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC TRƯỜNG		
I	Khoa Hàng hải		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
		Giám đốc Trung tâm Thực hành - Mô phỏng Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
		Phó Giám đốc Trung tâm Thực hành - Mô phỏng Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Hàng hải	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Hàng hải	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Hàng hải	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Hàng hải	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Hàng hải	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
II	Khoa Máy tàu biển		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Máy tàu biển	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Máy tàu biển	Giảng viên (Hạng III) trở lên
		Trưởng Bộ môn Khoa Máy tàu biển	Giảng viên (Hạng III) trở lên

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm Máy tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Máy tàu biển Phó Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm Máy tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Máy tàu biển	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Máy tàu biển	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Máy tàu biển	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Máy tàu biển	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Máy tàu biển	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
III	Khoa Điện - Điện tử		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Điện - Điện tử	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Điện - Điện tử	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Điện - Điện tử	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Điện - Điện tử	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
IV	Khoa Đóng tàu		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Đóng tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Đóng tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Đóng tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Đóng tàu	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Đóng tàu	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Đóng tàu	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Đóng tàu	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Đóng tàu	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Đóng tàu	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
V	Khoa Kinh tế		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Kinh tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Kinh tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Kinh tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Kinh tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Kinh tế	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Kinh tế	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Kinh tế	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Kinh tế	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Kinh tế	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
VI	Khoa Quản trị - Tài chính		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Quản trị - Tài chính	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Quản trị - Tài chính	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
VII	Khoa Công trình		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Công trình	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Công trình	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Công trình	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng Bộ môn Khoa Công trình	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Công trình	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Công trình	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Công trình	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Công trình	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Công trình	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
VIII	Khoa Công nghệ thông tin		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Công nghệ thông tin	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
IX	Khoa Lý luận chính trị		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Lý luận chính trị	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên (Hạng III) trở lên

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Lý luận chính trị	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Lý luận chính trị	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
X	Khoa Ngoại ngữ		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Ngoại ngữ	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Ngoại ngữ	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XI	Khoa Cơ sở - Cơ bản		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Khoa Cơ sở - Cơ bản	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Khoa Cơ sở - Cơ bản	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XII	Viện Cơ khí		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Cơ khí	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Cơ khí	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Viện Cơ khí Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm Cơ khí	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Viện Cơ khí Phó Giám đốc Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm Cơ khí	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Viện Cơ khí	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Viện Cơ khí	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Viện Cơ khí	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Viện Cơ khí	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Viện Cơ khí	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
XIII	Viện Môi trường		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Môi trường	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Môi trường	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Viện Môi trường	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Viện Môi trường	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp Viện Môi trường	Giảng viên cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên chính	Giảng viên chính Viện Môi trường	Giảng viên chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên	Giảng viên Viện Môi trường	Giảng viên (Hạng III)
2.4	Trợ giảng	Trợ giảng Viện Môi trường	Trợ giảng (Hạng III)
2.5	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Viện Môi trường	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XIV	Viện Đào tạo sau đại học		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XV	Viện Đào tạo quốc tế (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế	Giảng viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Viện Đào tạo quốc tế	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XVI	Viện Đào tạo chất lượng cao (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Đào tạo chất lượng cao	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Đào tạo chất lượng cao	Giảng viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Viện Đào tạo chất lượng cao	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XVII	Trường CĐ VMU (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Hiệu trưởng Trường CĐ VMU	Giảng viên hoặc Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) trở lên
1.2	Cấp phó người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Hiệu trưởng Trường CĐ VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
1.3	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
		Trưởng khoa Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên hoặc Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
		Phó Trưởng khoa Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên hoặc Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (Hạng I)
2.2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (Hạng II)
2.3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (Hạng III)
2.4	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành Trường Cao đẳng VMU	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (Hạng III)
2.5	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.6	Quản lý học sinh, sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	Quản lý học sinh, sinh viên, công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.3	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.4	Văn thư viên	Văn thư viên	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.5	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.6	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trường Cao đẳng VMU	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.7	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.8	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.9	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
4.1	Nhân viên Lễ tân	Nhân viên Lễ tân	Hợp đồng lao động theo NĐ111

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
4.2	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.3	Nhân viên Lái xe	Nhân viên Lái xe	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.4	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
XVIII	Phòng Tổ chức - Hành chính		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên chính về Tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính về Tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.2	Chuyên viên về Tổ chức bộ máy	Chuyên viên về Tổ chức bộ máy	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.3	Chuyên viên chính về Quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính về Quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.4	Chuyên viên về Quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên về Quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.5	Chuyên viên chính về Thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính về Thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.6	Chuyên viên về Thi đua, khen thưởng	Chuyên viên về Thi đua, khen thưởng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.7	Chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.8	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.9	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.10	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.11	Chuyên viên chính về Truyền thông	Chuyên viên chính về Truyền thông	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.12	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.13	Văn thư viên	Văn thư viên	Văn thư viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.14	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp hoặc tương đương (Hạng IV)
3.15	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.16	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
4.1	Nhân viên Lễ tân	Nhân viên Lễ tân	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.2	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.3	Nhân viên Lái xe	Nhân viên Lái xe	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.4	Nhân viên Y tế học đường	Nhân viên Y tế học đường hạng IV	Y sĩ hoặc tương đương (Hạng IV)
XIX	Phòng Kế hoạch - Tài chính		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL chuyên môn dùng chung		
2.1	Chuyên viên chính về Tài chính	Chuyên viên chính về Tài chính	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
2.2	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính	Kế toán viên chính (Hạng II) hoặc tương đương
2.4	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.5	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XX	Phòng Đào tạo		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Đào tạo	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng II	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.2	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXI	Phòng Quản trị - Thiết bị		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Quản trị - Thiết bị	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL chuyên môn dùng chung		
2.1	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.2	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.4	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
3.1	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động theo NĐ111
XXII	Phòng Quan hệ quốc tế		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Quan hệ quốc tế	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Quan hệ quốc tế	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý dự án hạng II	Quản lý dự án hạng II	CDNN hạng II hoặc tương đương
2.2	Quản lý dự án hạng III	Quản lý dự án hạng III	CDNN hạng III hoặc tương đương
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên chính về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
3.2	Chuyên viên về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXIII	Phòng Khoa học - Công nghệ		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Chuyên viên chính về Quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên chính về Quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
2.2	Chuyên viên về Quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên về Quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Tạp chí khoa học	Chuyên viên chính Tạp chí khoa học	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.4		Chuyên viên Tạp chí khoa học	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.5	Biên tập viên hạng II Tạp chí khoa học	Biên tập viên hạng II Tạp chí khoa học	Biên tập viên hạng II hoặc tương đương
2.6	Biên tập viên hạng III Tạp chí khoa học	Biên tập viên hạng III Tạp chí khoa học	Biên tập viên hạng III hoặc tương đương
XXIV	Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.2	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Quản lý chất lượng giáo dục hạng II	Quản lý chất lượng giáo dục hạng II	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.4	Quản lý chất lượng giáo dục hạng III	Quản lý chất lượng giáo dục hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXV	Phòng Công tác sinh viên		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng phòng Công tác sinh viên	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng II	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXVI	Ban Bảo vệ		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng ban Bảo vệ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng ban Bảo vệ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL hỗ trợ, phục vụ</i>		
2.1	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng lao động theo ND111
XXVII	Ban Quản lý Khu nội trú Quán Nam		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng ban Quản lý Khu nội trú Quán Nam	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng ban Quản lý Khu nội trú Quán Nam	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL chuyên môn dùng chung</i>		
2.1	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự hoặc tương đương (Hạng IV)
3	<i>VTVL hỗ trợ, phục vụ</i>		
3.1	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo ND111
3.2	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động theo ND111
XXVIII	Ban Quản lý Khu nội trú khu C		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Trưởng ban Quản lý Khu nội trú khu C	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Trưởng ban Quản lý Khu nội trú khu C	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL chuyên môn dùng chung		
2.1	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự hoặc tương đương (Hạng IV)
3	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
3.1	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
3.2	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên kỹ thuật	Hợp đồng lao động theo NĐ111
XXIX	Ban Quản lý dự án Hàng hải (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Ban Quản lý dự án Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý dự án hạng III	Chuyên viên về Quản lý dự án hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Ban Quản lý dự án Hàng hải	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXX	Thư viện		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Thư viện	Thư viện viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Thư viện	Thư viện viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Thư viện viên hạng II	Thư viện viên hạng II	Thư viện viên hạng II hoặc tương đương
2.2	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III	Thư viện viên hạng III hoặc tương đương
2.3	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên hạng IV	Thư viện viên hạng IV hoặc tương đương
XXXI	Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.2	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXII	Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Tư vấn sinh viên hạng III	Tư vấn sinh viên hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXIII	Trung tâm Huấn luyện thuyền viên		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.3	Trưởng Bộ môn thuộc khoa	Trưởng Bộ môn Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.4	Phó Trưởng bộ môn thuộc khoa	Phó Trưởng bộ môn Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên chính	Giảng viên chính Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên chính (Hạng II) hoặc tương đương
2.2	Giảng viên	Giảng viên Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.3	Giảng viên thực hành	Giảng viên thực hành Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Giảng viên thực hành (Hạng III)
2.4	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.5	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Kế toán viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
4.01	Thuyền trưởng	Thuyền trưởng tàu huấn luyện, thực tập	Thuyền trưởng tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.02	Đại phó	Đại phó tàu huấn luyện, thực tập	Đại phó tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.03	Phó hai	Phó hai tàu huấn luyện, thực tập	Phó hai tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.04	Phó ba	Phó ba tàu huấn luyện, thực tập	Phó ba tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.05	Thủy thủ trưởng	Thủy thủ trưởng tàu huấn luyện, thực tập	Thủy thủ trưởng tàu có tổng dung tích trên 3000GT

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
4.06	Thủy thủ	Thủy thủ tàu huấn luyện, thực tập	Thủy thủ tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.07	Máy trưởng	Máy trưởng tàu huấn luyện, thực tập	Máy trưởng tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.08	Máy hai	Máy hai tàu huấn luyện, thực tập	Máy hai tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.09	Máy ba	Máy ba tàu huấn luyện, thực tập	Máy ba tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.10	Máy tư	Máy tư tàu huấn luyện, thực tập	Máy tư tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.11	Thợ máy chính	Thợ máy chính tàu huấn luyện, thực tập	Thợ máy chính có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.12	Thợ máy	Thợ máy tàu huấn luyện, thực tập	Thợ máy tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.13	Thợ kỹ thuật điện	Thợ kỹ thuật điện tàu huấn luyện, thực tập	Thợ kỹ thuật điện tàu có tổng công suất máy chính từ 750kW đến dưới 3000kW
4.14	Bếp trưởng	Bếp trưởng tàu huấn luyện, thực tập	Bếp trưởng tàu có tổng dung tích trên 3000GT
4.15	Cấp dưỡng	Cấp dưỡng tàu huấn luyện, thực tập	Cấp dưỡng tàu có tổng dung tích trên 3000GT
XXXIV	Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (*)		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2	<i>VTVL chuyên môn dùng chung</i>		
2.1	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở (quản trị mạng)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
2.4	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.5	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXV	Trung tâm Ngoại ngữ (*)		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	<i>VTVL chuyên môn dùng chung</i>		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Ngoại ngữ	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXVI	Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam (*)		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Quản lý hoạt động đào tạo	Quản lý hoạt động đào tạo hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	<i>VTVL chuyên môn dùng chung</i>		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXVII	Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Giảng viên (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Giảng viên chính	Giảng viên chính Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Giảng viên chính (Hạng II)
2.2	Giảng viên	Giảng viên Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Giảng viên (Hạng III)
2.3	Trợ giảng	Trợ giảng Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Trợ giảng (Hạng III)
XXXVIII	Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng Hàng hải (*)		
1	<i>VTVL lãnh đạo, quản lý</i>		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	<i>VTVL nghiệp vụ chuyên ngành</i>		
2.1	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (Hạng III) hoặc tương đương
3	<i>VTVL chuyên môn dùng chung</i>		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng Hàng hải	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XXXIX	Trung tâm Đào tạo và Tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (Hạng III) hoặc tương đương
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Đào tạo và Tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XL	Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL chuyên môn dùng chung		
2.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
2.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XLI	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Theo quy định đối với chức danh Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
1.2	Cấp phó người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh (cán bộ, viên chức cơ hữu của Trường)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
1.3	Cấp phó người đứng đầu ĐVSNCL thuộc ĐVSNCL thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh (Sỹ quan biệt phái)	Trung tá trở lên
1.4	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 2 thuộc Bộ)	Trưởng phòng thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thiếu tá trở lên
		Trưởng khoa thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thiếu tá trở lên
1.5	Phó Trưởng phòng và tương đương	Phó Trưởng phòng thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thiếu tá trở lên

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
1.1	(thuộc ĐVSNCCL cấp 2 thuộc Bộ)	Phó Trưởng khoa thuộc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Thiếu tá trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Giảng viên	Giảng viên Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh	Đại úy
2.2	Chuyên trách tự vệ	Chuyên trách tự vệ	Cán sự hoặc tương đương (Hạng IV)
2.3	Quản lý học sinh, sinh viên; công tác chính trị tư tưởng	Quản lý học sinh, sinh viên, học viên; công tác chính trị tư tưởng hạng III	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XLII	Nhà Xuất bản Hàng hải (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Giám đốc Nhà Xuất bản Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Giám đốc Nhà Xuất bản Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.3	Tổng biên tập	Tổng biên tập Nhà Xuất bản Hàng hải	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Biên tập viên hạng III	Biên tập viên hạng III lĩnh vực xuất bản	Biên tập viên hạng III hoặc tương đương
2.2	Chuyên viên về Quản lý in	Chuyên viên về Quản lý in	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.3	Chuyên viên về Quản lý xuất bản	Chuyên viên về Quản lý xuất bản	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
2.4	Chuyên viên về Quản lý phát hành	Chuyên viên về Quản lý phát hành	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Nhà Xuất bản Hàng hải	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.5	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
XLIII	Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ hàng hải (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ hàng hải (**)	Giảng viên hoặc tương đương (Hạng III)
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ hàng hải (**)	Giảng viên hoặc tương đương (Hạng III)
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	Nghiên cứu viên chính (hạng II)	Nghiên cứu viên chính (Hạng II) hoặc tương đương
2.2	Nghiên cứu viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.3	Kỹ sư chính (hạng II)	Kỹ sư chính (hạng II)	Kỹ sư chính (Hạng II) hoặc tương đương

TT	Danh mục VTVL	Tên VTVL của đơn vị	Chức danh nghề nghiệp tương ứng
1	2	3	4
2.4	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (Hạng III) hoặc tương đương
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ hàng hải	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.3	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
XLIV	Viện Khoa học và công nghệ tàu thủy (*)		
1	VTVL lãnh đạo, quản lý		
1.1	Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
1.2	Phó Trưởng phòng và tương đương (thuộc ĐVSNCL cấp 1 thuộc Bộ)	Phó Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III) trở lên
2	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành		
2.1	Nghiên cứu viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (hạng III)	Nghiên cứu viên (Hạng III) hoặc tương đương
2.2	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương
3	VTVL chuyên môn dùng chung		
3.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.2	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.3	Văn thư viên	Văn thư viên	Văn thư viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.4	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) đơn vị trực thuộc Trường	Kế toán trưởng (hoặc Phụ trách kế toán) Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương trở lên
3.5	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
3.6	Kế toán viên	Kế toán viên	Kế toán viên (Hạng III) hoặc tương đương
3.7	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
4	VTVL hỗ trợ, phục vụ		
4.1	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên Phục vụ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.2	Nhân viên Lái xe	Nhân viên Lái xe	Hợp đồng lao động theo NĐ111
4.3	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên Bảo vệ	Hợp đồng lao động theo NĐ111
XLV	Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể		
1	VTVL chuyên môn dùng chung		
1.1	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng (Công tác Đảng)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
1.2	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng (Công tác Công đoàn)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)
1.3	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng (Công tác Đoàn thanh niên)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)

Ghi chú:

(*) Lương và các chế độ chi trả cho những người làm việc thuộc đơn vị này do đơn vị chi trả.

(**) Lương và các chế độ chi trả cho những người làm việc thuộc vị trí này được Nhà trường hỗ trợ.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục số 2
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CAO NHẤT VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC
THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

(Kèm theo Quyết định số 412 /QĐ-ĐHHVN-TCHC ngày 29 /3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam)

STT	Tên đơn vị	Chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm (VTVL)			Cơ cấu ngạch công chức/cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*			
		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương (Hạng I)	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)	Cán sự, Nhân viên/ Hạng IV, V
1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	HỘI ĐỒNG TRƯỜNG, LÃNH ĐẠO TRƯỜNG VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TRƯỜNG							
1	Chủ tịch Hội đồng trường	Hạng I						
	Phó Chủ tịch Hội đồng trường	Hạng I						
	Thành viên Hội đồng trường	Hạng I						
	Hiệu trưởng	Hạng I						
	Phó Hiệu trưởng	Hạng I						
2	Kế toán trưởng Trường	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại						
B	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC TRƯỜNG							
1	Khoa Hàng hải	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
2	Khoa Máy tàu biển	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
3	Khoa Điện - Điện tử	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
4	Khoa Đóng tàu	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	

STT	Tên đơn vị	Chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm (VTVL)			Cơ cấu ngạch công chức/cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*			
		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương (Hạng I)	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)	Cán sự, Nhân viên/ Hạng IV, V
5	Khoa Kinh tế	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
6	Khoa Quản trị - Tài chính	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
7	Khoa Công trình	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
8	Khoa Công nghệ thông tin	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
9	Khoa Lý luận chính trị	Hạng I	Hạng II - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
10	Khoa Ngoại ngữ	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
11	Viện Cơ khí	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
12	Viện Môi trường	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
13	Viện Đào tạo sau đại học	Hạng I	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
14	Viện Đào tạo quốc tế	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
15	Viện Đào tạo chất lượng cao	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15%	35%	50%	
16	Trường Cao đẳng VMU	Hạng I - Đối với các CDNN GVGDNNLT và GV; Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GVGDNNLT và GV; Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GVGDNNLT và GV	30%	50%	10%
17	Phòng Tổ chức - Hành chính	Hạng I - Đối với các CDNN GV; Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng V	10% - Đối với các CDNN GV	30%	50%	10%
18	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
19	Phòng Đào tạo	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	

STT	Tên đơn vị	Chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm (VTVL)			Cơ cấu ngạch công chức/cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*			
		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương (Hạng I)	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)	Cán sự, Nhân viên/ Hạng IV, V
20	Phòng Quản trị - Thiết bị	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng V	10% - Đối với các CDNN GV	30%	50%	10%
21	Phòng Quan hệ quốc tế	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
22	Phòng Khoa học - Công nghệ	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
23	Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
24	Phòng Công tác sinh viên	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
25	Ban Bảo vệ	Hạng III		Hạng V			30%	70%
26	Ban Quản lý Ký túc xá Quán Nam	Hạng III		Hạng V			30%	70%
27	Ban Quản lý Ký túc xá khu C	Hạng III		Hạng V			30%	70%
28	Ban Quản lý dự án Hàng hải	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng III		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
29	Thư viện	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng III		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
30	Trung tâm Hợp tác và đào tạo liên tục	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng II - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
31	Trung tâm Đào tạo và giới thiệu việc làm	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng II - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
32	Trung tâm Huấn luyện thuyền viên	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
33	Trung tâm Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
34	Trung tâm Ngoại ngữ	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
35	Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng Mê Kông - Nhật Bản tại Việt Nam	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
36	Trung tâm Giáo dục thể chất Hàng hải	Hạng II	Hạng II		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	

STT	Tên đơn vị	Chức danh nghề nghiệp cao nhất trong nhóm vị trí việc làm (VTVL)			Cơ cấu ngạch công chức/cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp*			
		VTVL lãnh đạo, quản lý	VTVL nghiệp vụ chuyên ngành, chuyên môn dùng chung	VTVL hỗ trợ, phục vụ	Chuyên viên cao cấp hoặc tương đương (Hạng I)	Chuyên viên chính hoặc tương đương (Hạng II)	Chuyên viên hoặc tương đương (Hạng III)	Cán sự, Nhân viên/ Hạng IV, V
37	Trung tâm Tư vấn phát triển công nghệ xây dựng Hàng hải	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
38	Trung tâm Đào tạo và Tư vấn khoa học công nghệ bảo vệ môi trường thủy	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
39	Trung tâm Đào tạo và tư vấn luật Hàng hải	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
40	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng II - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		10% - Đối với các CDNN GV	40%	50%	
41	Nhà Xuất bản Hàng hải	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại	Hạng V	10% - Đối với các CDNN GV	30%	50%	10%
42	Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ hàng hải	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại		15% - Đối với các CDNN GV	35%	50%	
43	Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng II - Đối với các CDNN còn lại	Hạng I - Đối với các CDNN GV Hạng III - Đối với các CDNN còn lại	Hạng V	10% - Đối với các CDNN GV	30%	50%	10%
C	TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC ĐOÀN THỂ		Hạng III				100%	

Lưu ý:

*: Tỷ lệ % giữa số viên chức được xếp chức danh nghề nghiệp tương ứng so với tổng số người làm việc được giao hàng năm của đơn vị. Đối với những đơn vị không đủ số lượng CVCC/Hạng I thì bổ sung tỷ lệ này cho cơ cấu CVC/Hạng II. Đối với những đơn vị không đủ số lượng CVCC/Hạng I và CVC/Hạng II thì bổ sung tỷ lệ này cho cơ cấu CV/Hạng III.